

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Quỳnh Nga;

2. Ông Vũ Trọng Huân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quang Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa:
Ông Hà Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu,
tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ
ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024;
Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024
và thông báo mở lại phiên tòa số: 36/TB-MLPT ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa
các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Chị và anh Lò Văn C đến với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lừu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào ngày 22-12-2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thường xuyên đánh bạc và đã bán hết tài sản của gia đình, chị khuyên bảo thì anh C chửi bới. Đến tháng 11 năm 2023 chị D đã đến nhà anh trai là Hoàng Văn V ở từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến đời sống của nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lò Văn C.

Về con chung: Chị và anh Lò Văn C có 02 con chung là Lò Thị Mai L, sinh ngày 05-10-2006 và Lò Văn K, sinh ngày 01-01-2010. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lò Thị Mai L và Lò Văn K. Không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Lò Văn C hợp lệ nhiều lần theo đúng quy định, nhưng anh C đều không có mặt để giải quyết việc ly hôn tại Tòa án. Do vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh C về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị D đối với anh C. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh C cư trú, kết quả: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị D và anh C về chung sống với nhau tại thôn H, xã H, huyện Trạm T, tỉnh Yên Bái, hiện nay anh C vẫn có hộ khẩu cư trú tại đây, tuy nhiên anh C đang đi làm thuê không thường xuyên có mặt ở nhà, hai vợ chồng đang sống ly thân và không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị D và anh C có 02 con chung là Lò Thị Mai L, sinh ngày 05-10-2006 và Lò Văn K, sinh ngày 01-01-2010. Hiện nay hai con Lò Thị Mai L và Lò Văn K đang ở cùng chị D.

Tại đơn trình bày nguyện vọng cháu Lò Thị Mai L và Lò Văn K trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ Hoàng Thị D vì mẹ Dân hiện đang sinh sống tại địa phương, yêu thương các cháu nhiều hơn và chăm sóc các cháu tốt hơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tiến

hành, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị D, xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Lò Văn C.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Hoàng Thị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lò Thị Mai L, sinh ngày 05-10-2006 và Lò Văn K, sinh ngày 01-01-2010. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tại biên bản tiến hành hòa giải một bên, các chứng cứ đã thu thập. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

- Về thẩm quyền: Bị đơn anh Lò Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn Hát 2, xã Hát Lừu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về tố tụng: Sau khi chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thụ lý và tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa; anh Lò Văn C đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ theo đúng quy định nhưng anh C đều không có mặt nên Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D khởi kiện xin ly hôn bị đơn anh Lò Văn C và đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D kết hôn với anh Lò Văn C trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hát Lừu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái vào năm 2003. Việc kết hôn này tuân thủ đúng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Qua lời trình bày của nguyên đơn sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C thường xuyên đánh bạc và đã bán hết tài sản của gia đình dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, chị D đã bỏ về ở nhà anh trai là Hoàng Văn V từ tháng 11 năm 2022, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Lời khai của nguyên đơn là phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện theo nội dung đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Lò Văn C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc cho chị D ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị D và anh Lò Văn C có 02 con chung là Lò Thị Mai L, sinh ngày 05-10-2006 và Lò Văn K, sinh ngày 01-01-2010, khi ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con Lò Thị Mai L và Lò Văn K và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy kể từ khi chị D và anh C ly thân đến nay việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lò Thị Mai L và Lò Văn K do chị D thực hiện đúng như chị D trình bày, con chung vẫn được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng và cho ăn học đầy đủ.

Tại đơn trình bày nguyện vọng của hai cháu Lò Thị Mai L và Lò Văn K đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, để các cháu có thể phát triển tốt nhất và theo nguyện vọng của các cháu cần chấp nhận yêu cầu của chị D, tiếp tục để 02 con chung là Lò Thị Mai L và Lò Văn K cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị D, sau khi ly hôn anh Lò Văn C có quyền nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị D đối với anh Lò Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị D được ly hôn anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lò Thị Mai L, sinh ngày 05-10-2006 và Lò Văn K, sinh ngày 01-01-2010 cho chị Hoàng Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của Pháp luật. Anh Lò Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2023/0000454 ngày 13-12-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Chị Hoàng Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh Lò Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THADS huyện Trạm Tấu;
- UBND xã Hát Lừu;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên